

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN 30/06/2012**

---

Tháng 7 năm 2012

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 18

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**  
Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Comment [p1]: Tất cả ghi là ban Tổng giám đốc cho thống nhất???

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị:**

Ông Phan Văn Khích	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phan Văn Khoa	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Kim Tuyển	Thành viên Hội đồng Quản trị
Ông Phạm Hữu Tuấn	Thành viên Hội đồng Quản trị

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Phan Văn Khích	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

**Phan Văn Khích**  
**Tổng Giám đốc**  
Ngày 26 tháng 7 năm 2012

Số: 2952/2012/BCSX-IFC

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT**

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012 được lập ngày 26 tháng 07 năm 2012 của Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh (gọi tắt là “Công ty”) từ trang 4 đến trang 18 kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Khúc Đình Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0748/KTV  
Hà Nội, ngày 26 tháng 07 năm 2012

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ kiểm toán viên số 1402/KTV

**Comment [p2]:** Kiểm tra lại xem kiểm toán viên đã ký quá 3 năm chưa?

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>181.249.925.981</b>	<b>156.637.164.854</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.417.349.199</b>	<b>2.776.409.610</b>
1. Tiền	111	V.1	1.417.349.199	2.776.409.610
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>103.098.650.208</b>	<b>65.087.379.459</b>
1. Phải thu khách hàng	131		102.883.930.208	64.999.379.459
2. Trả trước cho người bán	132		214.720.000	88.000.000
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>76.719.186.387</b>	<b>88.770.945.292</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.2	76.719.186.387	88.770.945.292
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.740.187</b>	<b>2.430.493</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.740.187	2.430.493
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>40.951.820.629</b>	<b>42.296.806.519</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>36.633.519.868</b>	<b>38.190.046.193</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.3	36.607.799.448	38.159.125.771
- Nguyên giá	222		44.293.752.620	44.293.752.620
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.685.953.172)	(6.134.626.849)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.4	25.720.420	30.920.422
- Nguyên giá	228		52.000.000	52.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(26.279.580)	(21.079.578)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.100.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.5	4.100.000.000	4.100.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>218.300.761</b>	<b>6.760.326</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	218.300.761	6.760.326
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>222.201.746.610</b>	<b>198.933.971.373</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.580.808.771</b>	<b>76.314.795.831</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>94.560.808.771</b>	<b>76.294.795.831</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	19.500.000.000	19.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		52.762.271.390	38.676.588.627
3. Người mua trả tiền trước	313		14.098.002.226	12.791.180.275
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.8	1.918.210.218	1.036.542.291
5. Phải trả người lao động	315		245.793.250	392.253.900
6. Chi phí phải trả	316	V.9	1.976.216.666	710.066.249
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	620.490.419	316.322.169
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.439.824.602	2.871.842.320
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.000.000</b>	<b>20.000.000</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>127.620.937.839</b>	<b>122.619.175.542</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.11	<b>127.620.937.839</b>	<b>122.619.175.542</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		72.000.000.000	72.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.178.279.549	2.871.842.320
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.178.279.549	2.871.842.320
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		49.264.378.741	44.875.490.902
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>222.201.746.610</b>	<b>198.933.971.373</b>

Comment [p3]: Thuyết minh bổ sung chi tiêu thuế, chi phí phải trả???

**Phan Văn Khích**  
**Tổng Giám đốc**  
 Ngày 26 tháng 07 năm 2012

**Nguyễn Mạnh Hà**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.043.441.044	165.624.963.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.043.441.044	165.624.963.693
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.522.861.893	145.390.351.559
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.520.579.151	20.234.612.134
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.500.398	13.552.482
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.976.216.666	1.932.964.203
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.976.216.666	1.932.964.203
8. Chi phí bán hàng	24		1.075.290.909	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		461.159.467	599.597.057
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.010.412.507	17.715.603.356
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.010.412.507	17.715.603.356
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	881.667.927	2.214.450.420
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.128.744.580	15.501.152.936
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	851	2.153

Comment [p4]: Thuyết minh bổ sung chi tiêu chi phí thuế TNDN hiện hành???

Phan Văn Khích  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Mạnh Hà  
Kê toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

MẪU B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	46.660.100.000	176.041.023.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(44.162.803.594)	(171.820.833.811)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.216.937.920)	(2.841.753.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(710.066.249)	(1.464.118.058)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	95.570.500	74.446.830
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(27.423.546)	(2.034.118.220)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.361.560.809)</b>	<b>(2.045.354.159)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.500.398	13.552.482
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.500.398</b>	<b>13.552.482</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>(1.359.060.411)</b>	<b>(2.031.801.677)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.776.409.610</b>	<b>2.358.714.078</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>1.417.349.199</b>	<b>326.912.401</b>

Phan Văn Khích  
Tổng Giám đốc  
Ngày 26 tháng 07 năm 2012

Nguyễn Mạnh Hà  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VINH SINH**

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vinh Sinh (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH Bao bì xi măng Chính An hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2600632004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp lần đầu ngày 31 tháng 08 năm 2009, cấp thay đổi lần 1 ngày 23 tháng 12 năm 2009 và cấp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27 tháng 04 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2012 là 65 người ( tại ngày 31/12//2011 là: 94 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty bao gồm:

- Sản xuất bao bì xi măng;
- Gia công chế tạo, sửa chữa máy móc thiết bị cơ khí;
- Sản xuất kinh doanh xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất gang thép, kim loại màu;
- Chuẩn bị mặt bằng công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình hoặc hạng mục công trình; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước; khu cụm, công nghiệp, khu đô thị mới và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác;
- Đầu tư, xây dựng và kinh doanh các công trình nhiệt điện, thủy điện; lắp đặt sửa chữa hệ thống điện tử, điện nước;
- Khai thác chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, dịch vụ ăn uống giải khát và các dịch vụ du lịch khác;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ, đường thủy; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa;
- Kinh doanh đồ dùng cá nhân và gia đình, hàng kim khí, vải sợi, hóa chất công nghiệp cơ bản; kinh doanh xăng dầu, mỡ các loại;
- Sản xuất kinh doanh các loại phân hóa học, hóa chất (trừ hóa chất nhà nước cấm sản xuất kinh doanh).

**II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 06 năm 2012

### **III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

**CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÁU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	20
Máy móc thiết bị	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán Bravo được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 5 năm.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị tiền thuê đất, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Các khoản chi phí này được tính và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán dựa vào phương pháp và tiêu thức phân bổ đã lựa chọn phù hợp với tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác một phần được tập hợp vào chi phí để tính giá thành và một phần được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

Bảo hiểm thất nghiệp được trích theo hướng dẫn của Nghị định 127/2008/NĐ - CP của Chính phủ ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2008.

##### **Thuế**

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty được được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thuế suất thuế thu nhập đối với hoạt động thương mại và hoạt động khác là 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

**CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2012 đến 30/06/2012**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1 Tiền**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.362.347.084	243.499.255
Tiền gửi ngân hàng	55.002.115	2.532.910.355
<b>Cộng</b>	<b><u>1.417.349.199</u></b>	<b><u>2.776.409.610</u></b>

**2 Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	66.130.277.382	81.851.607.979
Công cụ, dụng cụ	58.376.000	49.506.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	87.641.771	70.997.845
Thành phẩm	10.433.982.143	6.798.833.468
<b>Giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>76.719.186.387</u></b>	<b><u>88.770.945.292</u></b>

**3 Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2012	31.887.847.858	12.380.000.000	25.904.762	44.293.752.620
Tại ngày 30/06/2012	<b><u>31.887.847.858</u></b>	<b><u>12.380.000.000</u></b>	<b><u>25.904.762</u></b>	<b><u>44.293.752.620</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2012	3.774.875.814	2.347.849.236	11.901.799	6.134.626.849
Khấu hao trong kỳ	834.379.257	714.356.589	2.590.476	1.551.326.323
Tại ngày 30/06/2012	<b><u>4.609.255.071</u></b>	<b><u>3.062.205.825</u></b>	<b><u>14.492.275</u></b>	<b><u>7.685.953.172</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2012	<b><u>28.112.972.044</u></b>	<b><u>10.032.150.764</u></b>	<b><u>14.002.963</u></b>	<b><u>38.159.125.771</u></b>
Tại ngày 30/06/2012	<b><u>27.278.592.787</u></b>	<b><u>9.317.794.175</u></b>	<b><u>11.412.487</u></b>	<b><u>36.607.799.448</u></b>

Công ty dùng toàn bộ tài sản cố định hữu hình hiện có để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**4. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2012	52.000.000	52.000.000
Tại ngày 30/06/2012	<b>52.000.000</b>	<b>52.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2012	21.079.578	21.079.578
Khấu hao trong kỳ	5.200.002	5.200.002
Tại ngày 30/06/2012	<b>26.279.580</b>	<b>26.279.580</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2012	<b>30.920.422</b>	<b>30.920.422</b>
Tại ngày 30/06/2012	<b>25.720.420</b>	<b>25.720.420</b>

**5. Đầu tư và Công ty liên kết, liên doanh**

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư Công ty cổ phần Khai thác và chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát (i)	410.000	4.100.000.000	410.000	4.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>410.000</b>	<b>4.100.000.000</b>	<b>410.000</b>	<b>4.100.000.000</b>

(i) Hiện tại Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến lâm khoáng sản Hoàng Phát vẫn đang trong giai đoạn triển khai đầu tư.

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí thuê đất chờ phân bổ	216.561.067	-
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.739.694	6.760.326
<b>Cộng</b>	<b>218.300.761</b>	<b>6.760.326</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**7. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Tây Hà Nội (i)	14.000.000.000	14.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn- Chi nhánh Thanh Xuân (ii)	5.500.000.000	5.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>19.500.000.000</b>	<b>19.500.000.000</b>

(i) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1480 LAV 211000477/HĐTD ngày 23 tháng 11 năm 2010 lãi suất 16,2% năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng, trong trường hợp cần thiết sẽ được điều chỉnh theo lãi suất thị trường và thỏa thuận của hai bên bằng phụ lục hợp đồng.

(ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 1505LAV201000817/HĐTD ngày 26/11/2010 với mức lãi suất 15,5% năm thời hạn vay 6 tháng kể từ ngày bên vay nhận được tiền vay lần đầu.

**8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.918.210.218	1.036.542.291
<b>Cộng</b>	<b>1.918.210.218</b>	<b>1.036.542.291</b>

**9. Chi phí phải trả**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	1.976.216.666	710.066.249
<b>Cộng</b>	<b>1.976.216.666</b>	<b>710.066.249</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội	594.455.819	316.322.169
Kinh phí công đoàn	26.034.600	-
<b>Cộng</b>	<b>620.490.419</b>	<b>316.322.169</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**      **MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2012	72.000.000.000	2.871.842.320	2.871.842.320	44.875.490.902	122.619.175.542
Góp vốn	-	-	-	-	-
Trích quỹ (i)	-	306.437.229	306.437.229	-	612.874.458
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	6.128.744.580	6.128.744.580
Phân phối các quỹ (i)	-	-	-	(1.739.856.741)	(1.739.856.741)
Tại ngày 30/06/2012	72.000.000.000	3.178.279.549	3.178.279.549	49.264.378.741	127.620.937.839

(i) Công ty trích quỹ theo Nghị quyết số 02/2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 05 năm 2012 của Đại hội đồng cổ đông năm 2012.

**b. Cổ phiếu**

	30/06/2012 Cổ phần	01/01/2012 Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.200.000	7.200.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.200.000	7.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.200.000	7.200.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là: 10.000 đồng/cổ phần		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.043.441.044</b>	<b>165.624.963.693</b>
Trong đó:		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.920.000.000	164.424.963.693
- Doanh thu bán hàng	56.123.441.044	1.200.000.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>80.043.441.044</b>	<b>165.624.963.693</b>

Comment [KDD (O)5]: Đối chiếu lại số đầu kỳ?

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MẪU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.903.548.180	239.658.099
Giá vốn của hàng hóa đã bán	53.619.313.713	145.150.693.460
<b>Cộng</b>	<b>69.522.861.893</b>	<b>145.390.351.559</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Lãi tiền gửi	2.500.398	13.552.482
<b>Cộng</b>	<b>2.500.398</b>	<b>13.552.482</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Lãi tiền vay	1.976.216.666	1.932.964.203
<b>Cộng</b>	<b>1.976.216.666</b>	<b>1.932.964.203</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.010.412.507	17.715.603.356
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	-
Lỗ lũy kế	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.010.412.507</b>	<b>17.715.603.356</b>
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1.752.603.127</b>	<b>4.428.900.839</b>
Thuế thu nhập được giảm	870.935.200	2.214.450.420
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>881.667.927</b>	<b>2.214.450.420</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN</b>	<b>6.128.744.580</b>	<b>15.501.152.936</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	7.200.000	7.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>851</b>	<b>2.153</b>

**7. Chi phí sản xuất theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57.198.631.799	88.842.248.909
Chi phí nhân công	1.326.791.095	1.387.143.257
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.052.899.242	2.105.798.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.076.287.299	3.631.391.774
Chi phí bằng tiền khác	1.233.019.642	2.158.745.902
<b>Cộng</b>	<b>62.887.629.077</b>	<b>98.125.328.326</b>

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

**a Các bên liên quan với Công ty gồm:**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị	Có ảnh hưởng đáng kể (có đại diện trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc)
Công ty Cổ phần Xi măng Hữu Nghị 2	
Công ty TNHH Phát triển Hùng Vương	

**b Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND</b>	<b>Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Bán hàng cho Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	66.135.682.500	82.861.362.809
<b>Mua hàng</b>		
Mua hàng từ Công ty CP Xi Măng Hữu Nghị	38.413.273.683	108.860.623.760

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**CÔNG TY CP KHAI KHOÁNG VÀ CƠ KHÍ HỮU NGHỊ VĨNH SINH**

Khu chung cư xi măng Hữu Nghị, KCN Thụy Vân  
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày  
01/01/2012 đến 30/06/2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****MÁU B 09-DN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**c Số dư với bên liên quan**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP Xi măng Hữu Nghị	102.457.630.209	64.999.379.459
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty TNHH Hùng Vương	980.117.256	4.182.738.168
Công ty CP Xi măng Hữu Nghị	17.449.089.072	-
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ</b>		
	<b>Từ 01/01/2012</b>	<b>Từ 01/01/2011</b>
	<b>đến 30/06/2012</b>	<b>đến 30/06/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp của Ban Tổng Giám đốc	65.205.500	40.000.000

**3. Báo cáo bộ phận: Theo lĩnh vực kinh doanh**

	<b>Hoạt động</b>	<b>Hoạt động cơ</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b>thương mại</b>	<b>khí và dịch vụ</b>	
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu	56.123.441.044	23.920.000.000	80.043.441.044
Giá vốn	53.619.313.713	15.903.548.180	69.522.861.893
Lợi nhuận gộp	2.504.127.331	8.016.451.820	10.520.579.151
Chi phí	2.461.196.422	1.048.970.222	3.510.166.644
Lợi nhuận kế toán	42.930.909	6.967.481.598	7.010.412.507
Chi phí thuế TNDN	10.732.727	870.935.200	881.667.927
Lợi nhuận sau thuế	32.198.182	6.096.546.398	6.128.744.580

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét.

**Phan Văn Khích**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 07 năm 2012

**Nguyễn Mạnh Hà**  
**Kế toán trưởng**